TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bồ Quốc Khánh;

Ông Võ Minh Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa:* Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2022, Bản tự khai ngày 05/5/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Trần Văn T1 tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 6 năm và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên thì quyết định tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 20/9/2016. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung là Trần Phước T2, sinh ngày 04/10/2018. Khoảng từ cuối năm 2019, bà T và ông T1

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T1 không lao động, thường xuyên vắng nhà, không tạo ra thu nhập để lo cho vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Phước T2, sinh ngày 04/10/2018, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày tại Bản tự khai ngày 20/6/2023 như sau: Ông T1 với bà T tìm hiểu và được gia đình chấp thuận, có đăng ký kết hôn tại xã Đ. Ông và bà T có một con chung là Trần Phước T2. Ông T1 muốn được ly hôn với bà T, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T khởi kiện ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi dưỡng con chung. Ông T1 cư trú tại ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

[2] Tại phiên tòa, bà T và ông T1 đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương ngày 20/9/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà T nộp đơn xin ly hôn với ly do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Tại Bản tự khai ngày 20/6/2023, ông T1 trình bày đồng ý ly hôn với bà T. Biên bản xác minh ngày

02/6/2023 về tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông T1 tại địa phương thể hiện, bà T và ông T1 có một thời gian chung sống tại khu phố B, phường T, thị xã T (N là Thành phố T), tỉnh Bình Dương nhưng khoảng năm 2020 ông T1 với bà T không còn chung sống. Địa phương không nhận được tin báo về mâu thuẫn của bà T với ông T1. Nhận thấy, bà T với ông T1 là vợ chồng nhưng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng cũng không còn ở chung; bà T xin ly hôn, ông T1 đồng ý. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T với ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Phước T2, sinh ngày 04/10/2018, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, ông T1 đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc T với bị đơn ông Trần Văn T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc T được ly hôn với ông Trần văn T3.

- Về con chung: Giao con chung Trần Phước T2, sinh ngày 04/10/2018 cho bà Phạm Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Trần văn T3 phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Ngọc T và ông Trần Văn T1 đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực

tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0010254 ngày 14/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Ngọc T và bị đơn ông Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Huế